

Bản án số: 190/2020/HSPT

Ngày 11 tháng 5 năm 2020

“Chen Kun C đb – Lừa đảo chiếm đoạt tài sản,
tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 754/2019/TLPT-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Trần Minh K do bị cáo kháng cáo và bị cáo Hoàng Vũ T do Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 402/2019/HS-ST ngày 23/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo: Trần Minh K, sinh ngày 20/7/1982 tại tỉnh N; Nơi cư trú: Xóm Đồng Nhân, xã Đồng Thành, huyện Y, tỉnh N; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Minh Loan và bà Bùi Thị Chín; Vợ Nguyễn Thị Anh (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 231/2009/HSST ngày 04/8/2009 của Tòa án nhân dân huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “*Lưu hành tiền giả*”; Bị bắt tạm giam từ ngày 05/12/2017 đến ngày 01/7/2018 tại ngoại; Tạm giam lại từ ngày 23/8/2019 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo bị kháng nghị: Hoàng Vũ T, sinh ngày 18/10/1988 tại tỉnh N; Nơi cư trú: Xóm 4, xã Đồng Thành, huyện Y, tỉnh N; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Hoàng Vũ Lập và bà Trần Thị Nhân; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng bị kết án; Bị tạm giữ từ ngày 03/12/2017 đến ngày 12/12/2017 tại ngoại đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Hoàng Vũ T: Luật sư Lê Minh Quang – Văn phòng luật sư Quang Lê thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Ngoài ra còn có 04 bị cáo khác và 06 người bị hại không kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 11/2017, Chen Kun C nhập cảnh vào Việt Nam gặp Nung Min C¹ và Tu Tsan C² để cùng tham gia tổ chức lừa đảo do Hồng Trà cầm đầu (cả bốn người đều là người Đài Loan). Tại Việt Nam, Chen Kun C, Nung Min C¹ và Tu Tsan C² thông qua các đối tượng người Việt Nam từng đi lao động ở Đài Loan là Doãn Văn T², Lê Đức A để thuê Hoàng Vũ T, Phan Văn T¹, Phan Thanh N và Nguyễn Thanh P đứng tên mở nhiều tài khoản tại các ngân hàng ở Thành phố Hồ Chí Minh, đăng ký dịch vụ internet banking, thông báo giao dịch tài khoản bằng tin nhắn rồi cung cấp thông tin cho Chen Kun C, Nung Min C¹ và Tu Tsan C² biết tên, mã pin, mật khẩu đăng nhập tài khoản. Để trao đổi thông tin về số tiền lừa đảo được, Chen Kun C, Nung Min C¹, Tu Tsan C² cùng 04 người Đài Loan khác (không rõ lai lịch, có nickname là Chuột, Ngủ, Long, Phú Sơn) vào chung nhóm tin nhắn trên ứng dụng WhatsApp của điện thoại di động. Hàng ngày, cả nhóm đến quán cà phê ngồi chờ thông tin của đồng bọn về tên tài khoản nhận tiền, tên người Việt Nam bị lừa, số tiền lừa được chuyển vào tài khoản. Sau khi có được thông tin, Chen Kun C sẽ cùng với Hoàng Vũ T, Phan Văn T¹, Nguyễn Thanh P hoặc Phan Thanh N (tùy vào người đứng tên tài khoản) đến ngân hàng để rút tiền. Tại ngân hàng, Chen Kun C sẽ giám sát và nhận tiền của người rút được tiền giao lại. Sau đó, Chen Kun C mang tiền giao lại cho Nung Min C¹. Từ ngày 27 đến ngày 30/11/2017, các đối tượng đã lừa các bị hại: Nguyễn Đăng K¹, Phan Thị T³, Nguyễn Thị Kim L, Võ Thị Như M và Nguyễn Kim T⁴ chuyển vào tài khoản do các đối tượng lừa đảo chỉ định tổng cộng 2.490.373.405 đồng. Trong đó, Hoàng Vũ T, Phan Văn T¹, Nguyễn Thanh P, Phan Thanh N đã rút được 1.179.000.000 đồng đưa cho Chen Kun C giao lại cho Nung Min C¹. Cụ thể như sau:

Sáng ngày 27/11/2017, ông Nguyễn Đăng K¹ nhận được điện thoại của một người tự xưng là Hoàng Tấn P¹ cán bộ công an Hà Nội thông báo ông K¹ đang nợ tiền. Sau đó người này chuyển máy cho một người tự xưng tên C⁴ ở Tổng cục cảnh sát cho rằng ông K¹ có liên quan đến một tổ chức lừa đảo và yêu cầu ông K¹ hợp tác. Khi biết ông K¹ có khoảng 123.000.000 đồng gửi ngân hàng, người này yêu cầu ông K¹ rút hết tiền nộp vào tài khoản số 250736469 đứng tên Nguyễn Thanh P mở tại ngân hàng ACB để phục vụ điều tra. Ngày 29/11/2017, ông K¹ chuyển 123.000.000 đồng, khi Nguyễn Thanh P nhận được báo có của ngân hàng thì P cùng với Chen Kun C đến Ngân hàng ACB chi nhánh Lê Ngô Cát Quận 3 rút toàn bộ số tiền này. Sau khi phát hiện mình bị lừa đảo, ông K¹ đến trình báo với công an.

Cũng bằng phương thức, thủ đoạn như trên, các đối tượng đã lừa đảo như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 29/11/2017, bà Phan Thị T³ chuyển 156.292.300 đồng vào tài khoản số 19032014811011 của Nguyễn Thanh P mở tại ngân hàng Techcombank bị P và Chen Kun C rút hết tiền.

Ngày 29/11/2017, bà Nguyễn Thị Kim L chuyển 200.000.000 đồng vào tài khoản số 060165684896 của Hoàng Vũ T mở tại ngân hàng Sacombank bị T và Chen Kun C rút hết tiền.

Ngày 30/11/2017, bà Võ Thị Như M chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản số 0371000473343 của Phan Văn T¹ mở tại ngân hàng Vietcombank bị T¹ và Chen Kun C rút hết tiền.

Chiều ngày 30/11/2017, bà Nguyễn Thị Kim T⁴ chuyển 600.000.000 đồng vào tài khoản số 19032009743014 của Phan Thanh N mở tại ngân hàng Techcombank và chuyển 700.000.000 đồng vào tài khoản số 104867817531 của Hoàng Vũ T mở tại ngân hàng Vietcombank. N và Chen Kun C đã rút 600.000.000 đồng. Còn số tiền 700.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của T đã được công an kịp thời phong tỏa.

Nhận được tố giác, công an triệu tập Chen Kun C, Hoàng Vũ T, Nguyễn Thanh P và Phan Văn T¹ để điều tra. Riêng Phan Thanh N về khách sạn trước, khi biết công an phát hiện thì bỏ trốn về Bình Dương gặp Trần Minh K. Lúc này tài khoản của N mở tại ngân hàng VP Bank nhận được số tiền 611.081.105 đồng của ông Vũ Anh T⁵ do bị lừa đảo chuyển vào thì N nói cho K biết đồng bọn đã bị công an bắt, số tiền này sẽ xử lý như thế nào? K nói cứ rút tiền ra sử dụng. K hướng dẫn N sử dụng internet banking chuyển 200.000.000 đồng vào tài khoản của K, chuyển 200.000.000 đồng vào tài khoản của Lữ Hoàng T⁶ và số tiền còn lại chuyển vào tài khoản của K, nhưng không thực hiện được. N cùng K rút hết số tiền đã chuyển vào tài khoản của K 200.000.000 đồng và dùng thẻ ATM rút 25.000.000 đồng trong số tiền đã chuyển vào tài khoản của T⁶. Đến ngày 04/12/2017 N, K, T⁶ đến ngân hàng làm thủ tục rút 175.000.000 đồng còn lại thì bị công an mời về làm việc. Các đối tượng đã khai:

Hoàng Vũ T khai Doãn Văn T² là người cùng quê giới thiệu T cho Chen Kun C để tham gia mở tài khoản và rút tiền sẽ được trả công 1,5 % trên số tiền rút được. Từ ngày 28 đến 29/11/2017, T mở 09 tài khoản cung cấp cho Chen Kun C và được trả công 2.000.000 đồng. Khoảng 14 giờ ngày 29/11/2017, T và Chen Kun C đến ngân hàng rút 200.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị Kim L chuyển vào. Do mở đến 9 tài khoản nên T nghi ngờ sử dụng để nhận tiền phạm pháp, khi rút tiền thì có người giám sát và ngay khi rút được tiền thì nhanh chóng rời ngân hàng. Bản thân T nhận thức đây là việc làm trái pháp luật. Chiều ngày 30/11/2017, T được một người Đài Loan không rõ lai lịch yêu cầu đến ngân hàng Vietcombank rút 700.000.000 đồng của Nguyễn Kim T⁴ chuyển vào, nhưng không rút được vì đã hết giờ làm việc.

Trần Minh K khai khoảng 19 giờ ngày 30/11/2017, Khanh gặp Phan Thanh N ở Bình Dương thì N nói thấy công an bắt mấy người Đài Loan và người Việt Nam mở tài khoản giống như N nên N biết chắc chắn tiền đó là tiền phạm pháp. N cho biết trong tài khoản của N vừa nhận được số tiền 611.081.105 đồng của Vũ Anh T⁵ chuyển vào. N cho biết đây là tiền lừa đảo, giờ rút hết ra tiêu xài. Sáng ngày 01/12/2017, K đến ngân hàng Agribank ở phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương rút 200.000.000 đồng trong tài khoản của K do N chuyển vào; đồng thời N sử dụng thẻ ATM của T⁶ rút 25.000.000 đồng rồi giao hết cho K. Từ 30/11/2017 đến ngày 03/12/2017, T⁷ và H nhiều lần đến phòng trọ ở Dĩ An gặp K yêu cầu tìm N để rút số tiền hơn 600.000.000 đồng trong tài khoản của N để giao lại cho T⁷ và H. Do biết đây là tiền do phạm pháp mà có nên K ra điều kiện nếu tìm được N và rút được tiền thì phải chia cho K 1/3 số tiền, nhưng chưa đạt được thỏa thuận thì bị công an bắt.

Đối với Chen Kun C, Nguyễn Thanh P, Phan Văn T¹, Lê Đức A, Phan Thanh N đã khai nhận đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với phương thức, thủ đoạn như trên.

Tại Bản cáo trạng số 40/CT-VKS-P3 ngày 21/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Hoàng Vũ T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài*

sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; Truy tố Trần Minh K về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo điểm a khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 và còn truy tố 04 bị cáo khác.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 402/2019/HS-ST ngày 23/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Các điều 54, 58, 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt Hoàng Vũ T 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đồng Thành, huyện Yên T, tỉnh N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Hoàng Vũ T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo Hoàng Vũ T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt Trần Minh K 07 (bảy) năm tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/8/2019 được trừ đi thời gian tạm giam trước đó từ ngày 05/12/2017 đến ngày 01/7/2018.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên phạt Chen Kun C 12 năm tù, Phan Thanh N 07 năm tù, Nguyễn Thanh P 04 năm tù, Phan Văn T¹ 02 năm tù đều về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; quyết định về trách nhiệm bồi thường; về biện pháp tư pháp; xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trần Minh K có đơn kháng cáo ngày 24/10/2019 xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Phan Văn T¹ có đơn kháng cáo ngày 06/11/2019 nhưng đến ngày 11/11/2019 lại có đơn rút toàn bộ kháng cáo.

Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 37/QĐ-VKS-P3 ngày 05/11/2019 kháng nghị phúc thẩm đề nghị không cho bị cáo Hoàng Vũ T được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo Trần Minh K khai nhận bị cáo nghe bị cáo Phan Thanh N nói trong tài khoản của N có tiền và nhóm của N đã bị công an bắt nên bị cáo biết là tiền phạm pháp. Do bị cáo đồng ý nên N đã chuyển vào tài khoản của bị cáo 200.000.000 đồng và bị cáo đã rút ra hết 200.000.000 đồng. Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, xin được giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo đã nộp 106.000.000 đồng, một dây chuyền vàng và một nhẫn vàng (giá trị tương đương 23.000.000 đồng) để bồi thường cho người bị hại. Bị cáo chỉ rút 200.000.000 đồng nhưng vì sao lại bị xử lý ở khoản 4 của Điều luật. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Hoàng Vũ T khai nhận bị cáo có lập 09 tài khoản ngân hàng để được hưởng tiền hoa hồng. Bị cáo đã rút 200.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Kim L

chuyển vào rồi đưa toàn bộ số tiền này cho Chen Kun C. Bị cáo định rút 700.000.000 đồng của Nguyễn Kim T⁴ chuyển vào nhưng hết giờ làm việc nên không rút được. Bị cáo rất hối hận, đã bồi thường số tiền 200.000.000 đồng cho bà L xong, cha của bị cáo là thương binh hạng 2/4, có nhiều huân chương kháng chiến, huân chương chiến sĩ vẻ vang, ông nội của bị cáo có huân chương kháng chiến, bản thân bị cáo bị ốm não, sức khỏe kém nên xin giữ nguyên theo Bản án sơ thẩm để bị cáo có điều kiện chữa trị bệnh.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Hoàng Vũ T đề nghị xem xét theo Thông báo kháng cáo kháng nghị của Tòa án cấp sơ thẩm thì nội dung kháng nghị chỉ yêu cầu tăng hình phạt chứ không nêu nội dung không cho bị cáo hưởng án treo nên không thể xem xét việc không cho bị cáo hưởng án treo. Bị cáo đã vô tình giúp sức cho Chen Kun C, đồng phạm với vai trò thấp, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo không được hưởng lợi nhưng đã tự nguyện bồi thường xong thiệt hại, cha là thương binh, ông nội có nhiều cống hiến với nước, bản thân bệnh nặng, nếu bắt chấp hành hình phạt tù thì cũng chỉ làm gánh nặng cho Trại giam nên đề nghị giữ nguyên cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chữa trị bệnh.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xem xét đơn kháng cáo và quyết định kháng nghị đảm bảo hình thức và thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Trần Minh K phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo điểm a khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 và tuyên bố bị cáo Hoàng Vũ T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội. Bị cáo Trần Minh K không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị bác kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Đối với bị cáo Hoàng Vũ T phạm tội ở khoản 4 của điều luật, đã gây tác động rất xấu đến trật tự an toàn xã hội và phạm tội nhiều lần, nhưng Bản án sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần và cho bị cáo hưởng án treo là không đúng, không đảm bảo tác dụng giáo dục riêng, răn đe phòng ngừa chung. Đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không cho bị cáo hưởng án treo.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo đề ngày 24/10/2019 của bị cáo Trần Minh K và Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 37/QĐ-VKS-P3 ngày 05/11/2019 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tuy Thông báo số 801/2019/TB-TA ngày 11/11/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ghi nội dung kháng nghị tăng hình phạt là không chính xác, nhưng nội dung Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 37/QĐ-VKS-P3 ngày 05/11/2019 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã nêu rõ không cho bị cáo Hoàng Vũ T được hưởng án treo, nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo nội dung của quyết định kháng nghị.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Trần Minh K và bị cáo Hoàng Vũ T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án, phù hợp lời khai của những người bị hại, biên bản bắt người, biên bản thu giữ vật chứng cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định bị cáo Trần Minh K biết rõ số tiền

611.018.105 đồng trong tài khoản của Phan Thanh N là tiền do phạm tội mà có nhưng vẫn rút tiền ra tiêu xài và đã rút được tổng cộng 225.000.000 đồng; bị cáo Hoàng Vũ T đồng ý với Chen Kun C nên bị cáo đã lập 09 tài khoản để nhận tiền của những người bị hại chuyển đến để rút tiền ra giao lại cho Chen Kun C, bị cáo đã rút được 200.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Trần Minh K phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999; bị cáo Hoàng Vũ T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội.

[3] Tuy bị cáo Trần Minh K thực rút được số tiền 225.000.000 đồng, nhưng bị cáo đã đồng ý và cùng với Phan Thanh N tìm cách rút toàn bộ số tiền 611.018.105 đồng trong tài khoản của Phan Thanh N nhưng chưa rút được hết, nên bị cáo phạm tội theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Minh K rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có đồng thời còn tạo điều kiện cho tội phạm tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có, gây tác động xấu đến trật tự, an toàn xã hội nên cần phải xử phạt nghiêm. Bản án sơ thẩm đã cân nhắc bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đã xử phạt 07 năm tù là mức thấp nhất của khung hình phạt quy định phạt tù từ 07 năm đến 15 năm. Bị cáo có nộp 106.000.000 đồng và dây chuyền, nhẫn vàng để bồi thường cho người bị hại nhưng Bản án sơ thẩm không áp dụng tình tiết tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị cáo là thiếu sót, nhưng cho dù áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự thì mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo đã là tương xứng nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với bị cáo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[4] Hành vi của bị cáo Hoàng Vũ T rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự an toàn xã hội. Tuy bị cáo phạm tội lần đầu với vai trò đồng phạm, đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bản thân vừa bị mổ não, cha và ông của bị cáo là người có công với nước, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã giúp sức tích cực cho các đồng phạm khác phạm tội, bị cáo Chen Kun C không thể chiếm đoạt được tiền của người bị hại nếu không có tài khoản và hành vi rút tiền của bị cáo. Việc cho bị cáo được hưởng án treo sẽ không đáp ứng được tác dụng phòng chống loại tội phạm lừa đảo này hiện nay đang diễn ra hết sức phức tạp trên phạm vi toàn quốc. Do vậy, chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa Bản án sơ thẩm, không cho bị cáo Hoàng Vũ T được hưởng án treo.

[5] Bị cáo Trần Minh K phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Bản án sơ thẩm không tuyên trách nhiệm do chậm thi hành án là thiếu sót cần bổ sung để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, các bị cáo phạm tội có tổ chức với thủ đoạn phạm tội rất tinh vi và xảo quyệt, diện bị hại mở rộng trên mạng internet, chiếm đoạt tài sản của nhiều người với số tiền chiếm đoạt đặc biệt lớn đến hàng tỷ đồng, hậu quả đặc biệt nghiêm trọng; đa số các bị cáo không có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng Bản án sơ thẩm xử phạt một số bị cáo có hành vi giúp sức tích cực mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và không nằm trong

khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật là không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự; đồng thời đã xử phạt một số bị cáo phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” mức hình phạt thấp hơn so với bị cáo phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” là không công bằng giữa các bị cáo trong cùng một vụ án, nhưng do không có kháng cáo, kháng nghị về phần này nên không có căn cứ để cấp phúc thẩm giải quyết, mà kiến nghị đến Tòa án nhân dân tối cao xem xét.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo khác; về trách nhiệm bồi thường; về biện pháp tư pháp; xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Minh K; Chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 402/2019/HSST ngày 23/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt đối với bị cáo Hoàng Vũ T;

1.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Minh K 07 (bảy) năm tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/8/2019 và được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 05/12/2017 đến ngày 01/7/2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Hoàng Vũ T 03 (ba) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giữ trước từ ngày 03/12/2017 đến ngày 12/12/2017.

2. Bị cáo Trần Minh K phải nộp án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*).

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo khác; về trách nhiệm bồi thường; về biện pháp tư pháp; xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC;
 - Viện Trưởng VKSNDTC;
 - VKSND cấp cao tại TP.HCM;
 - Tòa án nhân dân TP.H;
 - Viện kiểm sát nhân dân TP.H;
 - Công an thành phố H;
 - Sở Tư pháp TP.HCM; Nghệ An;
 - Cục THADS TP.H;
 - Trại tạm giam Công an TP.H
- (Trại tạm giam Công an TP.H tổng đạt cho bị cáo);
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

